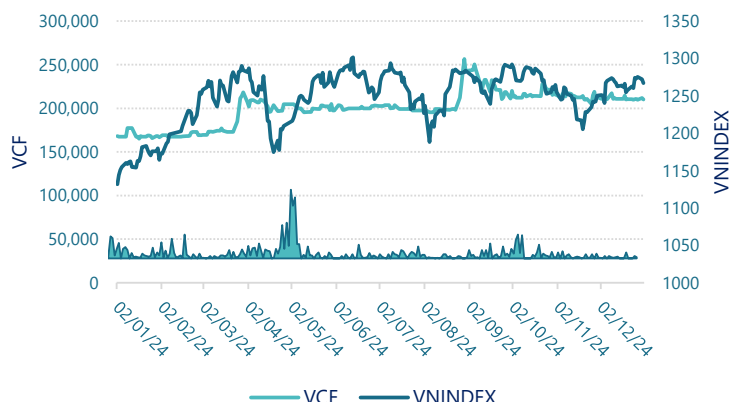


CTCP Vinacafé Biên Hòa (HSX: VCF)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 31/12/2024

Giá hiện tại (VNĐ)	210,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	256,473
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	165,103
SL cổ phiếu LH	26,579,135
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,035
% sở hữu nước ngoài	0.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,582
P/E	12.5
EPS	16,797

DT thuần

Q4/24

889

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 284 | 46.9%

YoY: ▲ 78.0 | 9.6%

LN sau thuế

Q4/24

159

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 58.0 | 57.6%

YoY: ▲ 16.0 | 11.3%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

22.1%

+/- YoY: ▼ 2.3%

DT thuần

2024

2,556

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 203 | 8.7%

LN sau thuế

2024

446

tỷ VNĐ

YoY: ▼ 4.00 | -0.8%

ROE

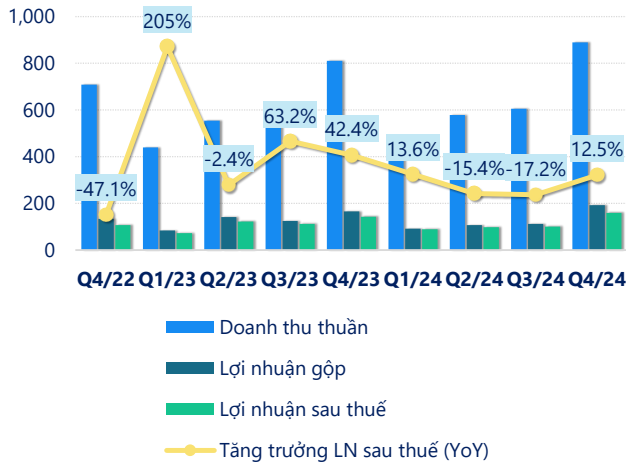
2024

22.3%

+/- YoY: ▼ 1.6%

tỷ VNĐ

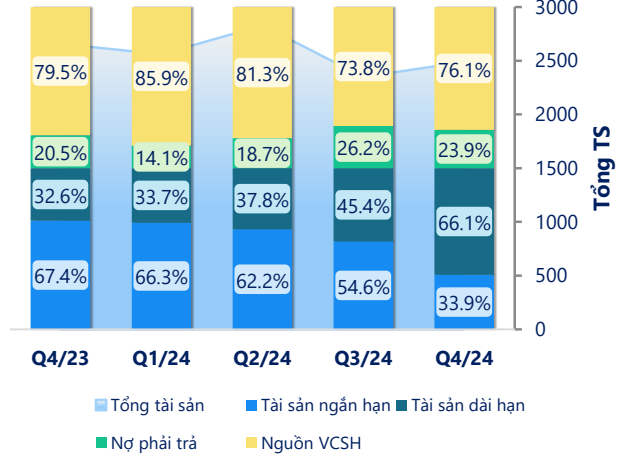
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

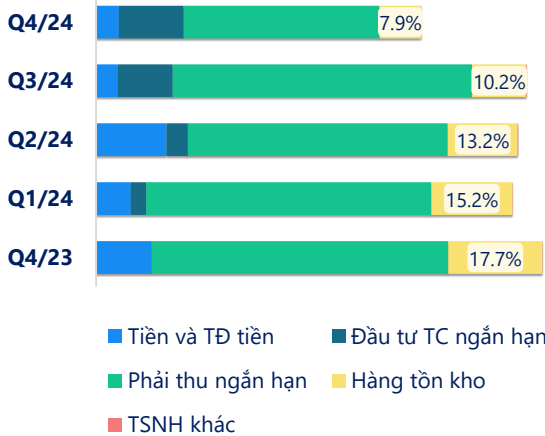
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



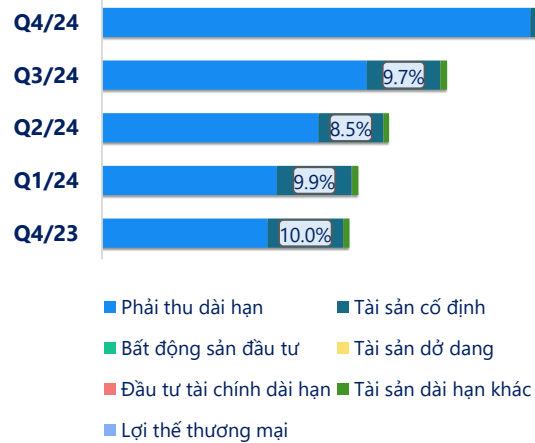
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

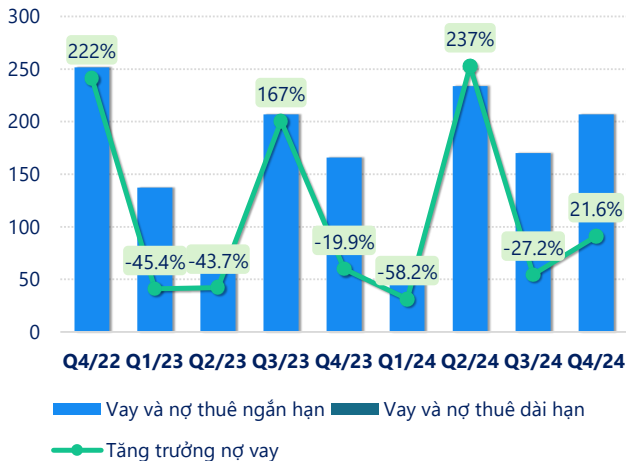
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

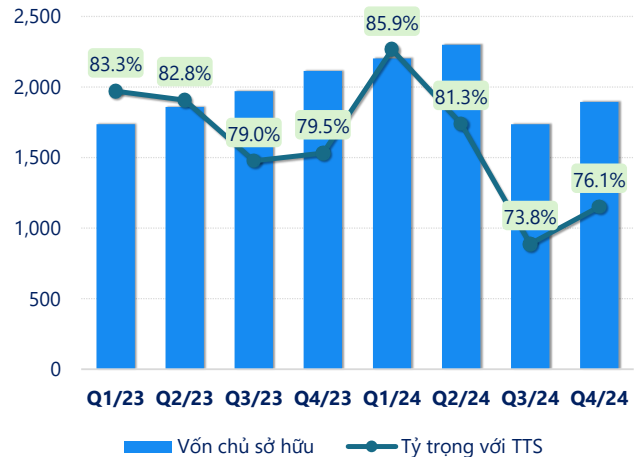
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

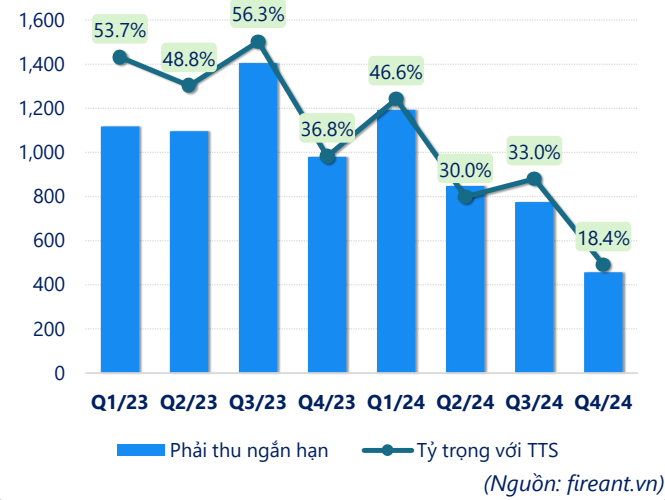
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu

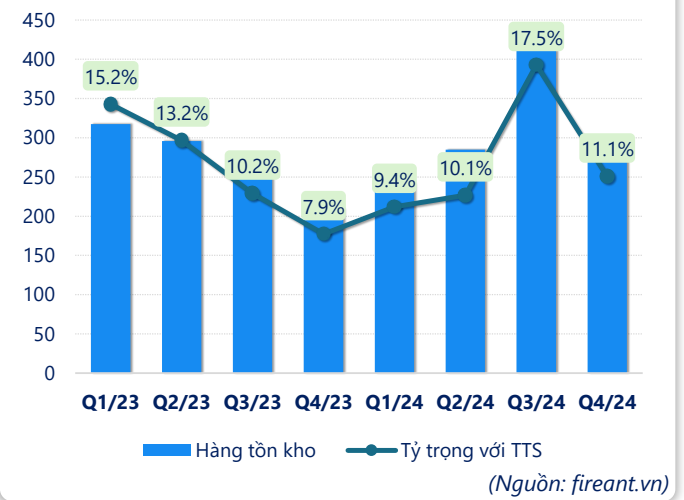


(Nguồn: fireant.vn)

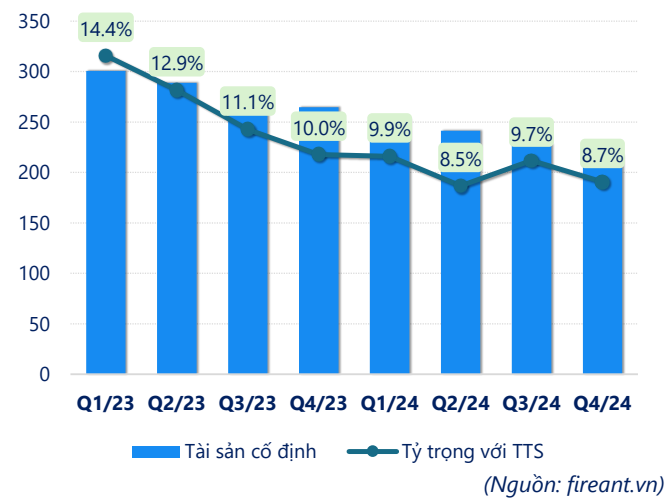
tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


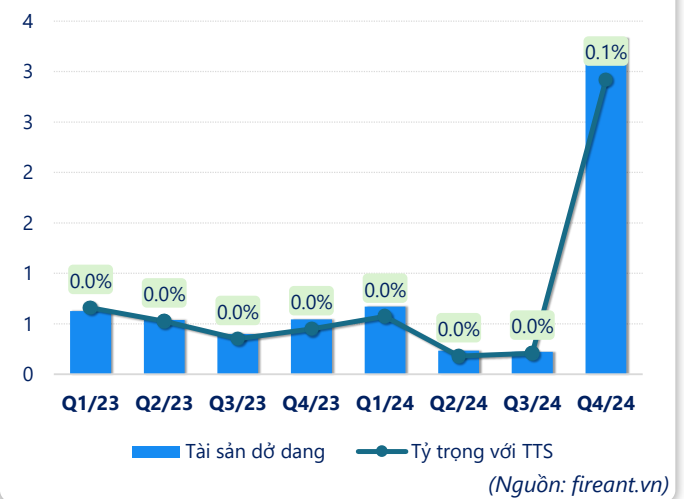
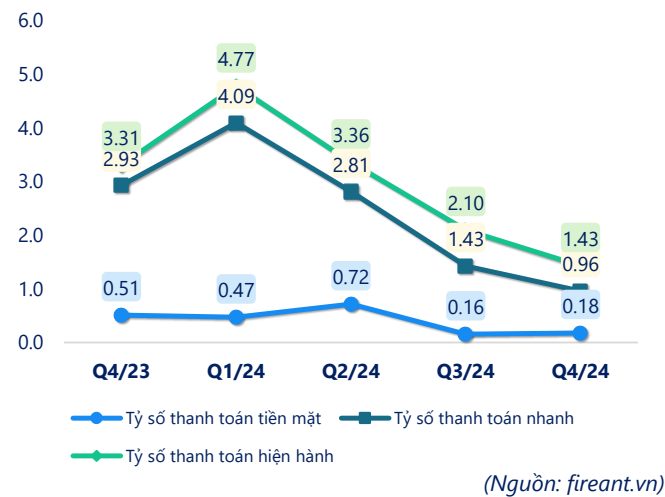
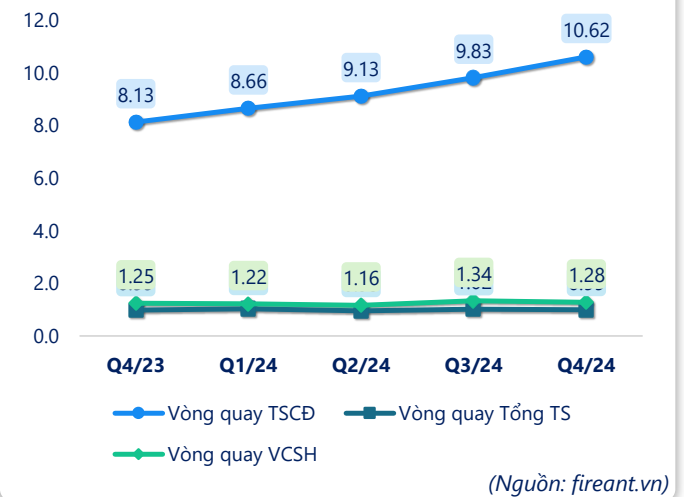
tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


tỷ VNĐ

Tài sản cố định


tỷ VNĐ

Tài sản dở dang

Chỉ số thanh khoản

Vòng quay tài sản


CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	2,658	2,562	2,828	2,351	2,488
Tài sản ngắn hạn	1,792	1,698	1,760	1,283	843
Tiền và tương đương tiền	277	167	375	94.9	106
Đầu tư tài chính ngắn hạn	324	94.4	250	0.40	0.40
Phải thu ngắn hạn	980	1,193	848	776	457
Hàng tồn kho	209	241	285	411	277
Tài sản ngắn hạn khác	1.51	1.61	1.85	1.13	1.33
Tài sản dài hạn	866	864	1,068	1,068	1,646
Phải thu dài hạn	579	590	806	820	1,403
Tài sản cố định	265	253	241	228	217
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.54	0.67	0.23	0.22	3.32
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	22.0	21.1	20.8	20.7	22.4
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	546	360	529	616	594
Nợ ngắn hạn	541	356	524	611	589
Vay và nợ thuê ngắn hạn	166	69.3	234	170	207
Phải trả người bán ngắn hạn	263	199	194	174	239
Nợ dài hạn	4.69	4.67	4.37	4.34	4.33
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,113	2,202	2,299	1,736	1,895
Vốn chủ sở hữu	2,113	2,202	2,299	1,736	1,895
Vốn điều lệ	266	266	266	266	266
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)